

ĐẠO GIÁO THỜI LÝ - TRẦN

Tóm tắt: Đạo giáo là một tôn giáo bản địa của Trung quốc, được hình thành từ lâu đời và được truyền bá vào Việt Nam từ khá sớm. Khi được truyền bá vào Việt Nam, đã có lúc Đạo giáo trở thành một tôn giáo độc lập dưới triều Lý, Trần. Nhưng sau đó, hiện tượng dung hợp Đạo giáo với Phật giáo và Nho giáo đã diễn ra, đặc biệt dưới triều Lê và triều Nguyễn. Trong suốt tiến trình phát triển của dân tộc, cùng với Nho giáo và Phật giáo, Đạo giáo có ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống tinh thần, truyền thống và văn hóa của dân tộc ta, đặc biệt trong đời sống của lớp người bình dân. Tuy nhiên, sự nghiên cứu về Đạo giáo còn khiêm tốn hơn so với Nho giáo và Phật giáo. Do vậy, bài viết góp một tiếng nói, nhằm làm rõ thêm vị trí của Đạo giáo trong mối tương quan Tam giáo qua các triều đại phong kiến Việt Nam, đặc biệt dưới triều Lý và triều Trần.

Từ khóa: Đạo giáo; Tam giáo; triều Lý; triều Trần.

Dẫn nhập

Đạo giáo được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm. Về thời điểm cụ thể thì chưa có một nguồn sử liệu nào xác định chính xác, nhưng quan điểm được nhiều người thừa nhận thì Đạo giáo được truyền bá vào Việt Nam sau Nho giáo và Phật giáo. Điềm qua những tư liệu hữu quan Đạo giáo từ khoảng thế kỷ II đến thế kỷ IX, chúng tôi nhận thấy, trước hết là sự tồn tại của Phương tiên đạo (chưa phải là Đạo giáo), với một số nhân vật điển hình, như: Trương Tân, Đồng Phùng, Mâu Tử, v.v... Sau đó mới có sự xuất hiện của Đạo giáo (Tam Trương - tông phái thời kỳ đầu của Đạo giáo). Sự tồn tại ấy chủ yếu là ở quan điểm về thần tiên, tìm kiếm sự trường sinh bất tử; sau đó mới đến sự xuất hiện của Đạo giáo dân gian (Đạo giáo Phù thủy).

* Đại học Giao thông Vận tải, Phân hiệu tại Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 28/4/2018; Ngày biên tập: 8/5/2018; Ngày duyệt đăng: 18/5/2018.

Như vậy, ở thời kỳ Bắc thuộc việc khẳng định Đạo giáo đến Việt Nam và tồn tại trong tầng lớp thượng lưu (trí thức) là có thực. Song, tầm ảnh hưởng của nó đến đâu, tầng lớp thượng lưu Việt Nam đã tiếp thu được những gì thì rất khó có thể đánh giá hết được. Sử sách chép lại còn quá mù mờ, còn những gì lưu trong dân gian thì khó có thể khẳng định một cách chính xác. Chỉ bắt đầu từ khi xã hội Việt bước vào giai đoạn độc lập (sau thắng lợi năm 938 của Ngô Quyền), thì mới có những cứ liệu để so sánh, đối chiếu.

Vào giai đoạn cuối của thời Bắc thuộc, từ vị trí của một trong những thành tố ngoại lai, Đạo giáo đã hội nhập một cách tự nhiên vào đời sống tinh thần của người Việt. Tuy nhiên, phải nhấn mạnh tính chất kế thừa của Đạo giáo và tính đặc thù của Đạo giáo Việt Nam. Đến thời Lý, Trần Đạo giáo đã trở thành một tôn giáo độc lập và có tầm ảnh hưởng nhất định trong toàn bộ đời sống xã hội. Nhưng đến thời Lê, Đạo giáo không được trọng dụng, nó hầu như mất đi tư cách độc lập của một tôn giáo, những yếu tố phù hợp với tâm thức của lớp người bình dân thì được đưa vào trong sinh hoạt tinh thần và tín ngưỡng dân gian của người Việt, và trở thành một bộ phận tất yếu trong đó. Như vậy, ở triều Lý và triều Trần, Đạo giáo đã có một chỗ đứng nhất định, tuy nhiên trong mối tương quan Tam giáo vị trí của Đạo giáo như thế nào, tầm ảnh hưởng của nó trong các hoạt động của cung đình và dân gian đến đâu thì cần phải được xem xét và nghiên cứu.

1. Về lực lượng đạo sĩ

Dưới thời Lý, Phật giáo đã tham gia vào chính sự của đất nước, quan lại đương thời đủ cả bốn ban: ban Văn, ban Võ, ban Thái giám và ban Tăng. Trong ban Tăng, đội ngũ tu hành theo Phật giáo chiếm rất đông với những tên tuổi lớn, như: Khuông Việt Đại sư Ngô Chân Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Tăng thống Quách Quang, v.v... Trong ban Tăng, ngoài các nhà tu hành theo Phật giáo còn có thêm các Đạo sĩ.

Khi bàn đến các đạo sĩ, chúng ta nhắc nhiều đến các đạo sĩ thời Bắc thuộc, như: Cát Hồng, Mâu Bác, Trần Đoàn, Cao Biền, v.v... Đến thời kỳ độc lập tự chủ của dân tộc, có các đạo sĩ: Huyền Quang, Trí Không, Trần Tuệ Long, Phùng Tá Khang, Hứa Tông Đạo, Huyền Vân, Nguyễn Bô, v.v... Trong những đạo sĩ đó, có những đạo sĩ đã được *Đại Việt Sử*

Ký Toàn Thư nhắc đến trong các hoạt động tôn giáo của họ. Có những đạo sĩ cũng chỉ được nhắc đến tên, còn các hoạt động tôn giáo thì hầu như không biết đến, có những đạo sĩ được lưu truyền trong dân gian. Do những tư liệu ít ỏi, việc nghiên cứu các đạo sĩ gặp nhiều khó khăn.

Trong guồng máy trị nước, từ trung ương đến các địa phương, có một bộ phận quan lại vốn xuất thân là đạo sĩ. Không ít đạo sĩ là cận thần của vua và chính họ cũng đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến phép trị nước của các vị vua. Thời này, đã xuất hiện một số đạo sĩ nổi tiếng, như: Huyền Quang, Trần Tuệ Long, Trí Không, Thông Huyền, Phùng Tá Khang.

Huyền Quang là một đạo sĩ dưới thời Đinh Tiên Hoàng. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi: “Thái bình năm thứ 2 (971), bắt đầu quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo. Lấy Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lưu Cơ làm đô hộ phủ sĩ sư, Lê Hoàn làm thập đạo tướng quân, Tăng thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng Chân uy nghi”¹.

Trần Tuệ Long, là một đạo sĩ thời Lý, trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi lại: “năm 1027, vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long đạo sĩ ở quán Nam Nhạc”². Còn các hoạt động tôn giáo của Trần Tuệ Long thì không được nhắc đến.

Về đạo sĩ Trí Không, trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi: “mùa đông, tháng 10 ngày mùng 1 (1031) một đạo sĩ là Trí Không tâu xin cho các đạo sĩ được nhận ký lục ở cung Thái Thanh. Vua y cho (ký lục được hiểu là nhận sự đăng ký, chính thức nhận việc tu hành)”³.

Thông Huyền là một đạo sĩ Việt Nam dưới thời Lý. Sự tích về ông được chép chung với danh tăng Giác Hải trong bài *Tăng Đạo Thần Thông* ở sách *Nam Ông Mộng Lục*, *Thiền uyển Tập Anh* và trong bài *Tán Giác Hải Thiền Sư* của Lý Nhân Tông. Bài thơ “Tán Giác Hải thiền sư” của Lý Nhân Tông đã cho ta thấy phần nào vai trò của Thông Huyền:

*Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo hữu huyền.*

*Thần thông và biến hóa,
Nhất Phật, nhất thần tiên.
(Giác Hải tâm như biển,
Thông Huyền đạo hữu huyền.
Thần thông và biến hóa,*

Một người là Phật, một người là Tiên.)⁴

Theo *Thiên Uyển Tập Anh*, một hôm Lý Nhân Tông cùng Giác Hải và Thông Huyền ngồi chơi trên một tảng đá, chợt có hai con tắc kè kêu inh tai. Vua bảo Thông Huyền làm cho con tắc kè ngừng kêu. Thông Huyền đọc thần chú, một con tắc kè rơi xuống, Giác Hải nhìn một lúc, con kia rơi xuống nốt. Chuyện này có thể là bịa đặt, nhưng cho ta thấy phần nào vai trò của Thông Huyền trong các hoạt động của cung đình.

Phùng Tá Khang là một đạo sĩ Việt Nam dưới thời Lý, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi: “Tháng 3, cho Phùng Tá Khang, cha Phùng Tá Chu, làm Tả nhai đạo lục, tước Tả Lang. Bấy giờ các vương hầu bỏ quan tăng đạo thì gọi là Tả nhai. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo tôn giáo của mình thì không được dự càn”⁵. Đoạn văn này không nói rõ Phùng Tá Khang có phải là một đạo sĩ hay không, nhưng khi được vua phong chức *Tả Nhai Đạo Lục* chắc chắn phải là người am hiểu Đạo giáo. Đã có quan chuyên trách thì số đạo sĩ chắc chắn không ít.

Đặc biệt, về sau này xuất hiện cuốn *Kê Song Xuyết Thập* mà hậu thân của nó là cuốn *Hội Chân Biên* ghi lại sự tích 27 vị “tiên Việt Nam” qua 25 truyền thuyết Đạo giáo, trong đó có 13 tiên ông và 14 tiên cô, với các Đạo tổ, Chân nhân, Thánh Mẫu, Tiên nương, Tiên nữ.... Tuy vậy, hệ thống chức vị của các đạo sĩ không chặt chẽ, cũng không đa dạng như hệ thống chức vị của các nhà sư.

“Vào thời Lý, tầng lớp cầm quyền thế tục và tầng lớp đứng đầu tôn giáo gắn bó, hòa quyện vào nhau. Đặc biệt, người sáng lập triều Lý - Lý Công Uẩn - còn xuất thân từ nhà chùa. Như vậy, ở hai tầng lớp kể trên cũng như ở trong toàn bộ xã hội, tất yếu đã xảy ra sự kết hợp với nhau, thâm nhập vào nhau giữa chủ nghĩa yêu nước và tư tưởng Phật giáo.

Tất nhiên, còn phải ghi nhận đầy đủ vị trí, vai trò và ảnh hưởng của Nho giáo và Đạo giáo thời bấy giờ. Tuy nhiên, Nho giáo chưa chiếm được vai trò thống trị, lực lượng Nho sĩ còn mỏng và chưa dám công khai công kích Phật giáo. Đạo giáo cũng từng được đưa vào nhà trường. Đã có đạo sĩ tham gia chính sự và được nhà vua trọng vọng. Đây là thời kỳ Đạo giáo có được vị trí khá nhất trong xã hội Việt Nam”⁶.

Đến thời Trần, tuy không còn “thịnh” như ở thời Lý, nhưng Đạo giáo vẫn tồn tại và có một số hoạt động nhất định. Lực lượng đạo sĩ thời này cũng xuất hiện một số nhân vật tiêu biểu, như: Hoàn Nguyên, Huyền Vân, Hứa Tông Đạo, Nguyễn Bồ.

Hoàn Nguyên vốn xuất thân là một nhà Nho, lấy cô của vua Trần Thái Tông là bà Thụy Tư, được phong phong làm Liệt hầu. Trong cuộc sống vợ chồng, bà Thụy Tư thường bắt ông theo đúng lễ nghĩa cung đình. Do đó, vợ chồng xảy ra bất hòa, Hoàn Nguyên bỏ đi làm đạo sĩ. Hoàn Nguyên hay làm thơ, tính ưa ngao du sơn thủy, vua cho làm chức Đạo lục, tục gọi là Đạo lục hầu.

Huyền Vân đạo sĩ, là người Chí Linh, sống ẩn ở chùa Lê Kỳ, Ngao Sơn để luyện đan. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi chép về sự kiện Dụ Tông hoàng đế mời đạo sĩ ở núi Yên Tử về kinh thành hỏi phép tu luyện: “Mùa đông, tháng 10 (1368), cho mời đạo sĩ Huyền Vân ở Chí Linh đến kinh để hỏi về phép tu luyện. Ban cho động của đạo sĩ tên là Huyền Thiên động”⁷. Không rõ Huyền Vân đã dạy vua phép tu luyện gì, nhưng việc ban cho động của ông tên là Huyền Thiên điều đó phải chăng có liên quan đến Huyền Thiên chân nhân, mà Chân Vũ là một tên gọi khác.

Về đạo sĩ Hứa Tông Đạo, *Toàn Thư* có ghi: “năm 1302, bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bên sông Yên Hoa. Phép phù thủy đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó”⁸. Căn cứ *Minh văn* chuông Thông Thánh quán do chính bản thân Hứa Tông Đạo đúc vào năm 1321, thì Hứa Tông Đạo đến Việt Nam khoảng năm 1276 theo Trần Nhật Duật đánh quân Nguyên vào năm 1285.

Thời Trần (Trần Phế Đế) còn có một nhân vật nữa là Nguyễn Bồ, trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* có ghi: [1379] “Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Bồ, người lộ Bắc Giang, tự xưng là Đường lang tử y, dùng

pháp thuật, tiếm hiệu xưng vương làm loạn, bị giết”⁹. Tuy *Toàn Thư* không nói Nguyễn Bô là một Đạo sĩ, nhưng “xưng là Đường lang tử y, dùng pháp thuật” thì đây là những tên gọi rất đặc trưng của Đạo giáo.

Như vậy, có thể nói về lực lượng Đạo giáo không thể so sánh với Phật giáo, nhưng về cơ bản lực lượng đạo sĩ đã có những đóng góp nhất định trong các hoạt động cung đình, từ đó tạo ra sự cân bằng trong các hoạt động của Đạo giáo nói chung so với Phật giáo.

2. Về cơ sở thờ tự, tu luyện

Dưới triều Lý, Phật giáo về cơ bản là tôn giáo có ảnh hưởng nhiều nhất cả ở trong cung đình lẫn dân gian. Vì vậy, thời kỳ này chùa được xây rất nhiều. Việc chú trọng xây dựng chùa thời Lý được sử gia Lê Văn Hưu thời Trần ghi nhận, “xây tường cao ngất, tạc cột chùa bằng đá, làm chùa thờ Phật lộng lẫy hơn cả cung điện của vua”¹⁰.

“Chùa chiền mọc lên khắp nơi và trở thành biểu tượng của Phật giáo. Chùa thời Lý được chia làm 3 hạng: Đại, Trung và Tiểu danh lam. Nổi lên các chùa lớn là chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Long Đọi (Hà Nam). Năm 1049, Lý Thái Tông cho xây chùa Diên Hựu, dựng cột đá ở giữa ao, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt trên cột đá. Năm 1105, Lý Nhân Tông cho sửa lại, vét hồ Liên Hoa đài, gọi là hồ Linh Chiểu, ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chạy xung quanh, ngoài hồ có hành lang lại đào hồ Bích Trì có cầu bắc qua để đi lại...”¹¹.

Cũng ở dưới thời Lý, Nho giáo đã được trọng dụng, điều đó được thể hiện ở việc xây dựng Văn Miếu. Văn Miếu được xây dựng từ năm (1070) tức năm Thần Vũ thứ hai đời Lý Thánh Tông, *Toàn Thư* có ghi: “Mùa thu tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến đấy học”¹². Như vậy, Văn Miếu ngoài chức năng thờ các bậc Tiên thánh, Tiên sư của đạo Nho, còn mang chức năng của một trường học Hoàng gia mà học trò đầu tiên là Thái tử Lý Càn Đức, con trai vua Lý Thánh Tông mà sau này trở thành vua Lý Nhân Tông. Năm 1076, Lý Nhân Tông cho lập trường Quốc Tử Giám ở bên cạnh Văn Miếu, có thể coi đây là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Ban

đầu, trường chỉ dành riêng cho con vua và con các bậc đại quyền quý. Năm 1156, Lý Anh Tông cho sửa lại Văn Miếu và chỉ thờ Khổng Tử.

Tuy không phổ biến bằng Phật giáo, nhưng nhiều cung quán của Đạo giáo cũng đã được các vua nhà Lý cho xây dựng. Thái Thanh cung (cung Đại Thanh), được dựng ở kinh thành Thăng Long vào năm 1011. Vua Lý Thái Tổ (1010-1028) cho cất cung này khi mới dời đô về Thăng Long. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết: “năm ấy, ở trong thành, bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trán Phúc”¹³. Trong *Toàn Thư* cũng có ghi lại, Trí Không đã từng ở cung này. Thái Thanh cung là nơi thờ Thái Thượng Lão Quân, sau là Đạo Đức Thiên Tôn. Cung Thái Thanh còn tồn tại cho đến đời Trần và được tu bổ nhiều lần.

Trán Vũ quán, cũng được xây dựng lúc vua Lý Thái Tổ vừa dời đô về Thăng Long (1010) và đặt tên là Đền Trán Vũ. Trán Vũ quán thờ đức Huyền Thiên Trấn vũ để hộ trì mặt phía Bắc của thành Thăng Long. Quán này còn được gọi là đền Trán Vũ hay Chân Vũ. Truyền thuyết cho rằng, Trán Vũ tức là hóa thân của Nguyên Thủy Thiên Tôn, linh khí của Ngọc Hoàng. Trong đạo kinh chép Trán Vũ Đại Đế để tóc dài mặc áo đen, áo được dát vàng lưng đeo đai ngọc, chân đạp trên rùa và rắn, trên đỉnh có vàng hào quang, tướng mạo uy mãnh. Nhận sắc lệnh của Nguyên Thủy Thiên Tôn, Trán Vũ Đại Đế thống lĩnh các thần hạ phạm trừ yêu, diệt quỷ, tế thế hộ nhân, có quyền lực xem xét hạ giới. Hạ tướng là thần rắn và thần rùa vốn là hai quỷ (Thủy quỷ và Hỏa quỷ) được Chân Vũ thu phục mà biến thành. Ngoài ra, còn có 36 thiên tướng, 500 linh quan, kim đồng, ngọc nữ thị, dân gian thường gọi là Chu Công và Đào Hoa Nữ

Trong triều Lý, Lý Thần Tông là một người sùng Đạo giáo. Khi Thần Tông tại vị, tại kinh đô và nhiều nơi xuất hiện nhiều điềm lành. Cho nên, ông đã cho xây dựng nhiều chùa và quán. Theo ghi chép của *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*: “Giáp Dần Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2, tháng 3 vua ngự đến quán Ngũ Nhạc. Người lính ở quân Hữu Hưng Vũ là Vương Cửu dâng con rùa có sáu con người, trên ức có nét chữ Trữ, xuống chiều cho các học sĩ và các tăng đạo biện nhận, đọc thành tám chữ *Thiên thư hạ thánh nhân chi vạn tuế*... Mùa Thu, tháng 7,

rồng vàng ban đêm hiện ở điện Vĩnh Quang. Mùa Đông tháng 11, sửa lại điện Diên Sinh và quán Ngũ Nhạc... Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho tả ty lang trung Lý Công Tín ra vào cung cấm để tâu việc, không được ngăn cấm. Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam Tôn bằng vàng bạc... Mùa đông, tháng 12 mở hội độ tăng ở Nghênh Tiên đường. Mở đàn chay khánh thành ở điện Diên Sinh”¹⁴. Đây được coi là ghi chép đầu tiên của sử sách Việt Nam về việc dựng tượng Tam Thanh trong đạo quán và có bày tiệc chúc mừng trong cung theo nghi lễ hoàng gia.

Dưới thời Trần có một quán của Đạo giáo tên là Ngọc Thanh quán, quán nằm trên núi Đại Lai (Thanh Hóa). Năm 1398, Hồ Quý Ly mưu việc cướp ngôi nhà Trần đã ép vua Trần Thuận Tông (1388-1398) thoái vị, và cưỡng bức vua Trần về tu tiên ở quán này.

Ngoài các cung quán do triều đình xây dựng, còn có những đền, miếu, đạo quán do các quan lại địa phương tự ý xây dựng. Phần lớn những đền, miếu, đạo quán này về quy mô thường không lớn, dùng để thờ các vị thần thiên nhiên và những nhân vật có công với lịch sử đã được nhân dân thần thánh hóa. Sau khi xây dựng xong, các quan lại địa phương thường dâng sớ kể công đức của thần và xin triều đình ban sắc phong với ba cấp độ: thượng đẳng thần, trung đẳng thần và hạ đẳng thần.

Đền, miếu, đạo quán còn do chính đạo sĩ ở các địa phương xây dựng. Thường loại này quy mô nhỏ nhưng số lượng lại rất nhiều, khó có thể kiểm soát hết được. Ở các nơi này cũng thờ các vị thần siêu nhiên, các anh hùng lịch sử, thậm chí thờ những hồn ma, bóng quế. Đối với các cơ sở này, người dân thường tham gia rất đông, nhất là vào ngưỡng này tuần rằm, mừng một hay đi làm ăn xa trở về.

3. Chế độ thi cử

Từ năm 1075, chế độ giáo dục và thi cử theo Nho học đã được khẳng định, đến các triều đại về sau càng trở nên nổi bật. Tuy nhiên, đã có một số khoa thi Tam giáo được tổ chức vào các năm: 1195, 1227, 1247 (Tháng 8 năm 1247, thi Tam giáo bắt học sinh phải thi cả ba môn Nho học, Phật học và Lão học)¹⁵, những người đỗ đạt trong các khoa thi này đều được triều đình bổ dụng. “Ở đời Lý và đời Trần

triều đình lại đặt khoa thi Tam giáo (Nho, Phật, Lão), xem thế đủ biết không những Nho học và Phật học thịnh hành, mà Lão học cũng không bị bài xích. Ở hai đời ấy, người ta đương chịu ảnh hưởng của Tam giáo đồng nguyên”¹⁶. Việc thi cử bằng Tam giáo phản ánh Tam giáo đồng nguyên vào thời Lý; trong đó Nho giáo là hệ tư tưởng dùng để quản lý xã hội, Phật giáo là quốc giáo, còn Đạo giáo có ảnh hưởng nhất định trong các tầng lớp dân cư.

Nhà nghiên cứu Hoàng Quốc Hải phân tích sâu hơn về mối quan hệ Tam giáo đồng nguyên thời Lý như sau: “Sở dĩ nói "đồng nguyên" là bởi mục tiêu tối thượng của cả ba tôn giáo này đều hướng tới tính thiện, tính nhân văn. Và nhà Lý chiết xuất ra ở mỗi dòng đạo những điều ưu việt nhất làm định hướng căn bản cho việc xây dựng xã hội. Đó là: Xã hội Nho - tâm linh Phật - Thiên nhiên Đạo. Muốn tổ chức một xã hội có kỷ cương trật tự, có lễ luật chặt chẽ thì không thể không dựa vào sự ràng buộc của Tam cương, Ngũ thường của Nho giáo. Nhưng điểm yếu nhất của Nho giáo là vị kỷ, là phân chia đẳng cấp, là trọng giàu khinh nghèo, trọng nam khinh nữ... sẽ tạo ra nhiều nhân tố bất ổn cho xã hội. Vậy muốn điều chỉnh nó thì con người phải biết tôn trọng lẫn nhau, sống trong hiếu hòa, hiếu thiện và từ bỏ lòng tham lam ích kỷ, sân hận cố chấp, để tiến tới giác ngộ mà giải thoát ra khỏi cám dỗ vật chất của đời thường, và để đạt tới sự tiến hóa ấy thời phải lấy tâm linh Phật làm cứu cánh. Lại nữa con người cùng với muôn loài được sinh ra dưới ánh mặt trời kể cả các loài thấp sinh, noãn sinh và thảo mộc đều bình đẳng. Vì vậy Lão Tử chủ trương muôn loài phải nương tựa vào nhau, cùng tồn tại chứ không loài nào được chèn ép loài nào. Con người cũng như các loài khác phải tôn trọng thiên nhiên, như Thượng đế đã an bài. Do đó, cái thiên nhiên sinh tồn phải là thiên nhiên Đạo (giáo)”¹⁷.

Ở đây tác giả Hoàng Quốc Hải có một chút nhầm lẫn giữa Đạo giáo và Đạo gia. Tuy nhiên, qua lập luận trên phần nào cho thấy vị trí của Đạo giáo trong hiện tượng Tam giáo Đồng nguyên dưới thời Lý, Trần.

Về nội dung của Đạo giáo, Nguyễn Đồng Chi đã sưu tầm được một đề thi và một bài trả lời các câu hỏi ra trong đề đó. Nghiên cứu tài liệu này, có thể hiểu được phần nào sự học Đạo giáo của người Việt dưới thời Lý, Trần. Sau đây là bài thi¹⁸:

1. Pháp môn là gì?

Mọi pháp quy tôn(g), muôn đời chẳng đổi, muôn thánh ngàn thần, một môn đồng hội, ấy gọi là pháp môn vậy ?

2. Phù thủy là gì?

Khí âm khí dương hỗn hợp mà thành ra thiêng, dùng nước đại bi phun cho ma sợ, ấy gọi là phù thủy vậy.

3. Pháp môn lấy ai làm Thánh?

Pháp môn do Thái Thượng Lão quân lập ra cho nên tôn Ngài làm Thánh.

4. Phù thủy lấy ai làm thầy?

Phù thủy do Chân vũ Tiên sinh lập ra cho nên tôn Ngài làm Thầy.

5. Tứ Thánh, Tứ Giác, Tứ Tung, Tứ Dục là ý thế nào?

Thiên bông, Thiên du, Bảo đức, Hắc sát gọi là Tứ thánh. Càn, Khôn, Tốn, Cấn gọi là Tứ giác. Thiên hoa, Địa hoa, Lão hạc, Đồng trụ gọi là Tứ tung. Tí, Ngọ, Mão, Dậu gọi là Tứ dục.

6. Tam giới, Tam Thanh, Tam Động, Tam Ty là thế nào?

Dục giới, sắc giới, vô sắc giới ấy là Tam giới. Ngọc thanh, Thượng thanh, Thái thanh ấy là Tam thanh. Động chân, Động huyền, Động vi ấy là Tam động. Lôi đình, Linh bảo, Thái huyền ấy là Tam ty.

7. Ôn, Hoàng, Dịch, Lệ sinh vào buổi nào?

Vua Hoàng đế có bốn người con bắt tài tên là Ôn, Hoàng, Dịch, Lệ sinh vào đời Chuyên Húc.

8. Tốn, Ly, Khôn, Đoài sinh được mấy con?

Tốn sinh ra được bốn con là Đông, Tây, Nam, Bắc. Ly sinh được chín con từ Nhất bạch, Nhị hắc đến Bát bạch, Cửu tử. Khôn sinh ra sáu con tức là Thái âm, Lục khí. Đoài sinh ra bảy con tức là Bắc đẩu Thất tinh. Ấy là Tốn, Ly, Khôn, Đoài có hai mươi sáu con vậy.

9. Hành mẫn Tam thiên số, thời đương Tứ vạn niên là gì?

Số Trời thành 1.000, số đất thành 1.000, số người thành 1.000, ấy là hành mẫn tam thiên số. Từ Thái dịch đến Thái sơ là 10.000 năm, từ Thái sơ đến Thái thủy 10.000 năm, từ Thái thủy đến Thái tổ 10.000 năm, từ Thái tổ đến Thái cực 10.000 năm. Ấy là thời đương tứ vạn niên.

10. Đạo cao long hổ phục, Đức trọng quý thần kinh chỉ về thầy nào?

Đạo chí cao không thể vượt qua được, mà rồng là dương tinh, cạp là âm tinh đều phục đạo cao. Đức chí hậu không thể vượt qua được, mà quý là khí tán, thần là khí tinh đều sợ đức trọng. Ấy là Đạo cao long hổ phục, đức trọng quý thần kinh, chính là chỉ sư Phô Am vậy.

11. Phép bắt tà trói quỷ dùng linh phù nào? Đọc thần chú nào?

Nếu được đàn tràng cho chỉnh túc, pháp tịch cho hảnh hoi, niệm thấy tam giới mà muôn thánh đều đến, trống đánh ba hồi mà muôn thần đều nhóm họp, trước phải gọi tướng, thứ phải sai đi. Tưởng đến thiên võng mà kín đáo ra bùa, bắt tay ấn mà thiêng liêng chú bút, bốn chữ thánh đề năm chữ quý, chữ (...) hợp với vạn linh. Dùng những bùa thiêng Bạch xà, Độc cước, đọc những thần chú Thái thượng, Tề thiên.

12. Muốn cho đời này, dân này đều vào trong đài xuân, cùng bước lên cõi thọ thì phải dùng thuật gì?

Nếu trước hết chính tâm thì bọn tà mị không thể rục rịch. Trước hết chính thân thì khí tà không thể xâm phạm. Tâm chính rồi thì lấy đó ra ơn cho dân. Thân chính rồi thì lấy đó mà giúp chúng.

Qua đề thi cùng câu trả lời có thể phỏng đoán rằng trọng tâm cái học Lão giáo đời xưa nặng về Đạo giáo (Taoist religion) hơn là Đạo học (Taoist philosophy).

4. Đánh giá chung

Dưới triều Lý, Đạo giáo vẫn có một vị trí tương đối với Nho, Phật và xuất hiện tri thức tổng hợp Tam giáo. Sự bình đẳng của Tam giáo thể hiện đậm nét dưới thời Lý. Mặc dù, nhà Lý vẫn coi trọng Phật giáo hơn Đạo giáo, nhưng qua những tư liệu về chùa và quán thì ta thấy ít có sự chênh lệch. “Vua sáng lập nhà Lý gốc nhà chùa, đạo Phật trở thành quốc giáo, người ta có thể ngỡ là Phật giáo lấn át Đạo giáo; nhưng không phải như vậy, hai giáo vay mượn nhau quá nhiều nên ít thấy xung đột nhau, nhà sư kiêm pháp sư, kiêm nhà phương thuật là thường lệ”¹⁹.

Thời kỳ này, trong sinh hoạt dân gian Việt Nam, Phật giáo và Đạo giáo chung sống hòa bình, điều này thấy rõ ngay trong cách bài trí bàn

thờ ở các chùa và trong các đạo quán. Theo Trần Văn Giàu: “Phật giáo và Đạo giáo “chung sống hòa bình” lắm! Ít có chùa hoàn toàn chỉ có tượng Phật; ít có quán hoàn toàn chỉ có tượng Thánh. Lắm khi, dưới một mái nhà, có vừa bàn thờ Phật giáo vừa bàn thờ Đạo giáo, hai thần điện gần nhau; khi khác thì Phật và Thánh ngồi lẫn lộn một cách khá là huynh đệ! Đến mức có nơi tại chính điện trình bày tượng Phật ở giữa, Lão và Khổng ở hai bên. Sở dĩ có điều đó là một mặt tại thói quen “tam giáo đồng nguyên” từ thời Đường, thói quen học và thi Tam giáo ở Việt Nam dưới thời Lý - Trần, mặt khác tại Việt Nam người ta không quan tâm nhiều đến triết lý và giáo lý của các tôn giáo khác nhau ra sao, người ta thường quan tâm tới một số điểm đạo đức, nhân sinh thiết thực phù hợp với tập quán của mình”²⁰.

Kết luận

Như vậy, dưới thời Lý, Đạo giáo tuy không chiếm ưu thế bằng Phật giáo nhưng đã có ảnh hưởng nhất định đối với xã hội. Đến thời Trần, Nho giáo đã bắt đầu có vị thế nhất định trong xã hội, Phật giáo vẫn chiếm ưu thế, do đó Đạo giáo bị đẩy xuống hàng thứ ba. Về ảnh hưởng của tư tưởng Đạo giáo dưới thời Lý, Trần ta có thể ghi nhận qua những biểu hiện sau:

Trong triều đình cũng như trong toàn bộ hoạt động của guồng máy nhà nước nói chung, có một số nghi lễ quan trọng vốn xuất phát từ Đạo giáo (Phan Huy Chú trong bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* đã thống kê đến một chục nghi lễ thuộc loại này).

Trong xã hội, hệ thống nghi lễ tế tự ở các cung và đạo quán khá phong phú. Người dân tin tưởng vào thần thánh và một lòng thành kính thờ thần. Nhiều tập tục, kị húy ra đời trên cơ sở đức tin này.

Trong triều đình, có một số nghi lễ quan trọng có xuất phát từ Đạo giáo hoặc có ít, nhiều ảnh hưởng từ Đạo giáo. Chế độ thi cử Nho học đã được khẳng định, nhưng vẫn có ba kỳ thi Tam giáo được tổ chức.

Cuối thời Trần, hiện tượng bài xích Phật giáo và Đạo giáo của một số Nho gia quá khích đã xuất hiện. Ảnh hưởng của hiện tượng này tuy không mạnh mẽ, nhưng rõ ràng rất đáng quan tâm. Thời Lê, Nho giáo phát triển mạnh và đã giành được địa vị “độc tôn” trên vũ đài chính trị

và tư tưởng nước nhà. Từ đây, nhà nước là của quan lại xuất thân chủ yếu từ khoa cử Nho học. Đội ngũ quan lại thuộc ban Tăng hầu như không còn nữa, Phật giáo và Đạo giáo trở về nơi xuất phát đầu tiên là truyền bá và tạo ảnh hưởng trong các hoạt động dân gian. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, Bản in nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004: 215.
- 2 Sđd: 258.
- 3 Sđd: 267.
- 4 *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977: 434-435.
- 5 Sđd: 21.
- 6 Nguyễn Trọng Chuẩn (chủ biên, 2006), *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 129, 130.
- 7 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Sđd: 155.
- 8 Sđd: 85.
- 9 Sđd: 177.
- 10 Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2008), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 258.
- 11 Kỷ yếu hội thảo khoa học về 1000 năm vương triều Lý và kinh đô Thăng Long, tr. 649.
- 12 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Sđd: 234.
- 13 Sđd: 251.
- 14 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 2, Bản in nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004: 324 - 326.
- 15 Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, in tại Quan Hải tùng thư, tr.255
- 16 Sđd: 237.
- 17 Kỷ yếu hội thảo khoa học: 1000 năm vương triều Lý và kinh đô Thăng Long, tr. 598.
- 18 Nguyễn Đồng Chi (1942), *Việt Nam cổ văn học sử*, tr. 193, 201.
- 19 Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 462.
- 20 Sđd: 463 - 464.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, in tại Quan Hải tùng thư.
2. Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên, 2006), *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, 2, Bản in nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
4. Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Hào (1957), *Tam giáo sử đại cương*, Nxb. Phạm Văn Tươi, Sài Gòn.
6. Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. *Lịch sử Đạo giáo Trung Quốc*, Phòng tư liệu Viện Triết học, mã số 1.002 TL (Tác giả ?).
8. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

9. Nhậm Kế Dũ (Chủ biên, 1963), *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Bắc Kinh.
10. Trịnh Sĩ Hữu, Trần Hiếu Cần (1990), *Trung Quốc tiền thoại*, Nxb. Văn Nghệ Thượng Hải.
11. Hồ Phủ Sâm (Chủ biên, 1995) *Trung Hoa Đạo giáo đại từ điển*, Nxb. Khoa học xã hội (Trung Quốc).

Abstract

TAOISM DURING LY-TRAN DYNASTIES

Vu Hong Van

Ho Chi Minh City University of Transport

Taoism is an indigenous religion in China and it was formed for a long time and introduced in to Vietnam early. When it was spread to Vietnam, Taoism became an independent religion under Ly and Tran dynasties. Then, the synthesis of Taoism, Buddhism and Confucianism took place particularly during Le and Nguyen dynasties. Throughout the course of national development, along with Confucianism and Buddhism, Taoism has had a great influence on the spiritual life, national culture and tradition, especially the commoner life. However, the study of Taoism is more modest than that of Confucianism and Buddhism. Thus, the contribute clarifies the position of Taoism in the Three religions relation through the feudal dynasties of Vietnam, under Ly and Tran dynasties in particular.

Keywords: Taoism; Three religions; Ly dynasty; Tran dynasty.